

# LÔGIC NGÔN GIAO TRONG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ KHMER

Nguyễn Văn Nở\*

## 1. Mở đầu

Ngôn ngữ là kết quả của quá trình lao động và tư duy, là sáng tạo diệu kỳ của nhân loại. Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện dùng để giao tiếp. Ngôn ngữ của mỗi dân tộc còn in đậm dấu ấn tư tưởng, tâm hồn, địa bàn cư trú, phong cách, bản sắc văn hoá... của những người tạo ra nó. Mỗi dân tộc đều có một ngôn ngữ riêng. Ngôn ngữ thể hiện tư duy và nét đẹp văn hoá của mỗi dân tộc trong giao tiếp xã hội. “Ngôn ngữ là một trong những thành tố đặc trưng nhất của bất cứ nền văn hoá dân tộc nào. Chính trong ngôn ngữ, đặc điểm của một nền văn hoá dân tộc được lưu giữ lại rõ ràng nhất.” [9, 47]. Giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của ngôn ngữ là một trong những việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết để giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc mình.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc. Ở mỗi dân tộc, nói chung đều có tiếng nói – chữ viết và bản sắc văn hoá riêng. Việc nghiên cứu văn hoá các dân tộc anh em được chú ý từ lâu và đã đạt được nhiều thành tựu. Tiêu biểu cho những thành tựu đó là các công trình sưu tầm, khảo cứu văn học dân gian của các tộc người trên mọi miền đất nước. Khảo sát những công trình sưu tầm văn học dân gian ở Nam Bộ, chúng tôi thấy, đồng bào dân tộc Khmer có một nền văn học dân gian rất phong phú với khá nhiều thể loại, trong đó có tục ngữ (và cả thành ngữ) mà người Khmer gọi là Sôphea sách.<sup>1</sup> Số lượng thành ngữ, tục ngữ này thật phong phú. Nội dung mà thành ngữ, tục ngữ Khmer đúc kết cũng rất đa dạng; từ những kinh nghiệm trong lao động sản xuất, các mối quan hệ ứng xử đến những quan niệm về triết lý nhân sinh. Trong số đó có khá nhiều thành ngữ, tục ngữ có nội dung đề cập đến việc vận dụng ngôn ngữ khi giao tiếp. Những triết lý của người Khmer về lời ăn tiếng nói được đúc kết trong thành ngữ, tục ngữ chứa đựng nhiều điều thú vị, bổ ích mà mọi người muốn chia sẻ. Qua đó, chúng ta cũng thấy được sự tương đồng cũng như sự dị biệt trong lối thể hiện, những vấn đề được chú ý, những hình ảnh được chọn dùng làm chất liệu biểu trưng trong thành ngữ, tục ngữ giữa người Việt và người Khmer.

## 2. Nội dung

### 2.1. Đề cao tiếng nói dân tộc

Như đã nói, Việt Nam là quốc gia đa dân tộc. Ở mỗi dân tộc, tiếng mẹ đẻ vừa là vốn quý trong văn hoá các dân tộc thiểu số vừa là tài sản chung của cả nước; còn tiếng Việt là

---

\* Đại học Cần Thơ.

<sup>1</sup> Sôphea sách là cách gọi truyền thống của người Khmer về thành ngữ, tục ngữ.

ngôn ngữ giao tiếp chung, ngôn ngữ quốc gia. Vì vậy, để có thể hội nhập, phát triển, người Khmer Nam Bộ cần học tiếng Việt. Nhưng tiếng Việt vẫn là ngôn ngữ thứ hai sau tiếng mẹ đẻ. Chính điều này, trong thành ngữ, tục ngữ Khmer, chúng ta thấy có những câu đề cập đến việc giữ gìn tiếng nói của dân tộc. Họ khẳng định: “Tiếng nói thể hiện tộc người; tính nết thể hiện dòng họ”. Vì vậy, quên ngôn ngữ dân tộc mình, không giữ gìn lời ăn tiếng nói của cha ông truyền lại thì thật đáng phê phán: “Ai có dân tộc và ngôn ngữ, quên dân tộc và ngôn ngữ mình, như bướm quên thân sâu, nên gom vào bầy thú”; “Chín ngon đến đâu đừng quên lúc sống; Ai nói ngôn ngữ khác sành, lâu ngày quên tiếng mẹ đẻ, quên dân tộc, tôn giáo, tập tục của mình, cũng như con sâu có lúc lạc bưng”. Quan niệm đó, triết lý trên thật đáng cho chúng ta suy ngẫm, nhìn lại về thực trạng sử dụng tiếng Việt mà các phương tiện truyền thông đề cập gần đây. Không trân trọng tiếng Việt; vay mượn tùy tiện, sính ngoại; chữ nghĩa biến dạng, đổi hình, dùng không trong sáng... thì cũng có thể coi là lai căng, mất gốc.

## **2.2. Sức mạnh của ngôn từ**

Con người sáng tạo ra ngôn ngữ và nó trở thành phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của xã hội loài người. Trong quá trình vận dụng, người ta luôn chú ý đến việc tổ chức lời nói sao cho đạt hiệu quả cao. Ngay từ thuở xa xưa, lúc chưa có ngành khoa học về ngôn ngữ, các dân tộc đã đúc kết những kinh nghiệm vận dụng lời ăn tiếng nói của mình trong thành ngữ, tục ngữ và cho đến nay, những kinh nghiệm này vẫn còn nguyên giá trị. Cho dù chỉ mới là kinh nghiệm, nhưng tính triết lý ngôn giao dân gian đó vẫn giàu sức thuyết phục và có thể sẽ sống mãi với thời gian. Đây là vì thành ngữ, tục ngữ thể hiện tính triết lý một cách hình tượng, hàm súc, đậm hơi thở của cuộc sống cùng sự trải nghiệm từ chính thực tế nói năng. Về điều này, chúng tôi đã từng đề cập trong một bài viết trước đây về tục ngữ người Việt<sup>2</sup>. Nay đọc thành ngữ, tục ngữ Khmer, chúng tôi thấy cũng có rất nhiều câu đúc kết quan niệm về sức mạnh của lời nói, chỉ có khác về hình thức diễn đạt và chất liệu biểu trưng. Qua thành ngữ, tục ngữ Khmer, ta thấy được tác dụng của ngôn từ. Lời nói có sức mạnh thật diệu kỳ. Nó có thể làm cho người ta hạnh phúc: “Cái lưỡi thật quý, nhờ có nó mà ta êm ấm” mà cũng có thể làm ta khổ đau, chết chóc: “Cái lưỡi là lỗi hàng đầu; sống hay chết cũng do cái lưỡi”; “Lời nói là một kho vũ khí”. Mọi sự việc đều có nguyên nhân và điều tốt, điều xấu có thể bởi cái miệng gây ra: “Lời khinh bỉ dẫn đến việc dữ, lời không khinh bỉ dẫn đến việc lành”. Càng thấy được tác dụng của lời nói thì càng trân trọng yêu quý, giữ gìn. Nếu tục ngữ Việt có câu: “Lời nói chẳng mất tiền mua; lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau” thì người Khmer cũng có lời khuyên chí lý: “Bàn tay không sợ tốn, lời nói không sợ hết, hãy làm người ta vui vì một cái vỗ tay hay một lời nói ngọt”.

## **2.3. Bài học vận dụng ngôn từ**

Lời nói sẽ có tác hại rất lớn nếu vận dụng không đúng, không phù hợp. Lý lẽ đó có thể thấy được qua những lời khuyên của người Khmer khi vận dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Trước hết không nên nói năng vô lối, vô lý, vô nghĩa tạo ra một phát ngôn vô giá trị, chẳng ai buồn để ý. Giá trị của lời nói không phải bằng số lượng phát ngôn mà là nó có chinh phục người nghe, làm người ta chú ý hay không: “Một trăm lời nói không bằng một

---

<sup>2</sup> Xem “Logic ngôn giao trong tục ngữ Việt Nam”, tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 3, 2002.

lời được người nghe”; vì thế “Đừng nói những lời không giá trị, nó làm mình kém giá trị đi”. Tất nhiên, lời nói còn liên quan đến vị thế của người tham gia giao tiếp: “Nhà không con vắng vẻ, kẻ không vua vô linh, miệng không thiêng vô lời”. Một điều quan trọng khác là cần thận trọng, cần giữ gìn lời ăn tiếng nói. Về điều này, thành ngữ, tục ngữ Khmer có khá nhiều câu khuyên nhủ, cảnh báo. Từ những chuyện nhỏ, tế nhị, lịch sự trong ứng xử, giao tiếp hàng ngày: “Đi gần nhà người ta, lúc nghỉ ngơi, đừng ồn ào sợ người ta giật mình; nói vừa phải người ta nghe chính xác, đừng rỉ tai to nhỏ người ta nghi ngờ”; “Đừng thăm thì rù rì trước mặt khách” đến hậu quả tai hại khi không biết giữ gìn lời ăn tiếng nói qua câu: “Cá sặt chết vì miệng”. Bài học này được đúc kết trong nhiều câu tục ngữ và qua đó khẳng định tầm quan trọng của việc giữ gìn lời nói trong giao tiếp như:

- *Trượt chân còn đỡ, trượt miệng hết chỗ sửa.*
- *Vật giường gãy có thể thay được; lời nói vượt chắc sẽ tốn tiền.*
- *Vấp chân thì gãy, vấp lời tốn bạc.*
- *Liệt tay chân hơn nói bậy.*
- *Lỡ chân thì yên, lỡ miệng thì hư...*

#### **2.4. Dư luận**

Tục ngữ Việt có câu: “Cọp chết để da, người ta chết để tiếng”. Người ta trọng danh dự, sống giữ gìn không phải vì hám danh, nhằm lưu tiếng thơm; mà là vì sự tự trọng; vì danh dự thể hiện phẩm chất, đạo đức của một CON NGƯỜI. Nó có giá trị lâu dài và tồn tại dài lâu so với kiếp nhân sinh. Thế nên làm sao lưu lại danh tiếng chứ không phải để tai tiếng. Nhưng tiếng thơm, tiếng xấu cũng tùy thuộc miệng đời, vào cách đánh giá, nhìn nhận của người đương thời cũng như hậu thế. Mà cách đánh giá, nhìn nhận sẽ không tránh khỏi chủ quan, cảm tính, thậm chí thành kiến. Dư luận đóng một vai trò không nhỏ trong giao tiếp nói riêng, trong đời sống xã hội nói chung. Quan niệm này được người Khmer đúc kết qua câu: “Đường đã dài, miệng còn dài hơn”; “Bến cảng không bao giờ vắng; miệng không bao giờ yên”. Tục ngữ Khmer có nhiều câu khuyên, lời nhận xét, đánh giá khi tiếp nhận phát ngôn như: “*Lời ngon ngọt thường là lời nói dối*”; “*Lời cay đắng đừng vội ghét, những lời đáng nên nhận lấy*”; “*Lời sai đừng nên nghe, việc đúng nên nghĩ suy*”. Sống cần phải có chính kiến, không bảo thủ nhưng kiên định, đừng hoang mang bởi những lời dèm pha, cười chê, giễu cợt: “Muốn thành công thì đừng sợ người ta nói”. Tuy nhiên, không phải ai cũng có thể dễ dàng vượt qua, cũng vững vàng trước những lời thị phi. Vì vậy, Tục ngữ Khmer có nhiều lời khuyên về điều này: “Đừng tin lời người vu khống mình”; “Nghe giặc đến, đừng vội xôn xao; nghe lời nói đừng vội tin tưởng”. Tục ngữ Khmer còn có câu: “Lời nói đâm thọc là cái hố mất đoàn kết”. Cần cẩn trọng khi giao tiếp, khi tiếp nhận thông tin, nhất là với những kẻ “Đâm bị thọc, chọc bị gạo” (thành ngữ Việt). Thói thường, “Nói thật, mất lòng” (tục ngữ Việt) nhưng người Khmer khuyên đối với những lời nói đúng, nói phải cần tiếp thu, không nên tự ái: “Nước chảy không bao giờ mệ; lời nói chín chắn không bao giờ giận” vì “Lời thật không độc, loại cây có chất đắng là vị thuốc”.

#### **2.5. Lời nói và phong cách**

Ngôn ngữ là công cụ chung dùng để giao tiếp trong một cộng đồng nhưng mỗi người, khi sử dụng lại có những thể hiện riêng, có thói quen ngôn ngữ khác nhau. Ngay cả

mỗi cá nhân, cùng một nội dung thông báo nhưng nếu hoàn cảnh, đối tượng, mục đích giao tiếp... thay đổi thì việc vận dụng ngôn ngữ cũng có sự thể hiện khác biệt. Tất cả những điều này tạo nên sự sinh động, đa dạng, phong phú và biến đổi không ngừng của ngôn ngữ giao tiếp. Sự hiện thực hoá ý tưởng bằng những phát ngôn cụ thể trong quá trình ngôn ngữ giao tiếp mang đậm dấu ấn phong cách của mỗi người. Có thể nói qua lời ăn tiếng nói, người ta phần nào thể hiện trí tuệ, tâm hồn, tính cách và tình cảm của mình... Buffon (1707 - 1788) - một nhà văn, nhà lý luận Pháp - có khẳng định: "*Phong cách là chính con người*" (Le style, c'est l'homme). Điều này đã được người Khmer đề cập, đúc kết ở nhiều khía cạnh khác nhau. Trước hết là sự đề cao giá trị lời ăn tiếng nói của mỗi cá nhân. Qua lời nói, người giao tiếp vừa thể hiện năng lực ngôn ngữ, vừa thể hiện tri thức, phẩm chất của mình. Điều này thể hiện qua câu: "Voi quý ở ngà, người quý ở lời". Nếu người Việt có nhận xét: "Chim khôn kêu tiếng rảnh rang; người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe" thì người Khmer cũng có một triết lý rất thuyết phục: "Muốn biết tính người phải tiếp xúc; muốn biết địa thế phải tham quan; muốn biết khôn dại qua lời nói". Hơn nữa, họ còn nhấn mạnh: "Tiếng nói thể hiện đạo đức và tính cách". Lời nói là kết quả của sự tổng hoà từ rất nhiều các nhân tố khác nhau, cả chủ quan lẫn khách quan. Và, cũng chính từ lời nói, qua thực tế giao tiếp hàng ngày, ta thấy được chủ thể phát ngôn là người như thế nào: hiền hoặc dữ; tốt hay xấu; trầm mặc hay sôi nổi; nhân ái hay thâm độc; khôn ngoan hoặc ngu dốt; dịu dàng hay chanh chua, cục súc... Thành ngữ, tục ngữ Khmer có khá nhiều câu đúc kết nhận xét này. Nếu như người Việt thường dùng câu tục ngữ Hán Việt "*Khẩu Phật, tâm xà*" để phê phán những người "*miệng thơm thốt nói cười mà lòng dạ hiểm sâu*", thì người Khmer có câu: "*Lòng xấu, miệng lưỡi nói cho đẹp*" hay "*Lòng Têvatôt, miệng Têvada*"<sup>3</sup>. Những kinh nghiệm đúc kết về tính cách của con người qua lời ăn tiếng nói thật tinh tế và cũng thật xác đáng. Đây không phải là sự quy nạp chủ quan mà xuất phát từ sự trải nghiệm sinh động qua thực tế giao tiếp. Về hạng người giả dối, tham lam, người Khmer có câu: "*Miệng từ chối, nhưng đưa gánh đến thì nhận*". Qua lời nói và hành động, ta có thể đánh giá con người: "Người nào dám nói dám làm là người dũng cảm; Nói mà không làm là người nhát"; "Ăn to nói lớn không sợ, chỉ sợ rù rì nói xấu người ta". Để đạt được mục đích, nhất là trong tình yêu lứa đôi, người ta không ngần ngại "uốn ba tấc lưỡi" để chinh phục đối tượng và sau đấy lại quên những điều đã "thệ hải, minh sơn". Sự trải nghiệm lặn nước mắt này được đúc kết qua những câu như: "Nói thì dễ, làm thì khó. Nước chảy không bao giờ mệt, đừng tin lời thề con trai"; "Nước chảy không bao giờ mệt, đừng tin lời con gái". Hai câu dường như có sự mâu thuẫn nhưng rõ ràng là rất đúng trong những trường hợp cụ thể. Sự bội ước, vong thề, lừa lọc trong tình yêu đều có thể xảy ra khi vương vào lưới tình nếu một trong hai đối tượng thay lòng đổi dạ.

### 3. Một số yêu cầu trong ngôn ngữ giao tiếp

Từ việc chỉ ra giá trị của ngôn ngữ, ảnh hưởng của dư luận, mối quan hệ giữa ngôn ngữ với lời nói cá nhân, thành ngữ, tục ngữ Khmer đã khái quát nên một số yêu cầu khi vận dụng ngôn ngữ.

---

<sup>3</sup> Têvada (còn viết Teà wada) là ông Tiên, người ban phúc lành cho mọi người. Vào dịp Tết Chôl chnăm Thmây (thường vào khoảng 12, 13, 14, 15 tháng 4 dương lịch, ở mỗi gia đình người Khmer, ông bà hoặc cha mẹ tập hợp con cháu trước bàn thờ tổ tiên đốt nhang, đèn cây lên, chấp tay vái lên trời, vái ba cái cầu khẩn xin Têvada thmây (ông tiên mới) ban phúc lành cho và tụng niệm lạy Phật.

### 3.1. *Giao tiếp cần ngắn gọn*

Tục ngữ người Việt có câu: "Ăn bớt bát, nói bớt lời". Một trong những nguyên nhân về việc sử dụng lời nói không đạt hiệu quả cao là do nói nhiều mà lượng thông tin không được bao nhiêu. Và hơn thế nữa, hậu quả của sự quá lời là bộc lộ những sai sót có thể có: "*Ăn lắm thì hết miếng ngon, nói lắm thì hết lời khôn hoá rồ*"; "*Năng ăn hay đói, năng nói hay lầm*"; "*Hương năng thấp năng khói, người năng nói năng lỗi*"... Về điều này, tục ngữ Khmer có câu: "*Nói nhiều người ta không nghe chỉ làm nhục trí tuệ*".

Cái triết lý ở đây là đòi hỏi cao về lượng thông tin chứ không phải là độ dài lời nói. Chính xác hơn, tục ngữ đòi hỏi có một mối quan hệ phù hợp giữa lượng và chất. Một văn bản dài nhưng nếu thông tin phong phú, không thừa từ, thừa ý vẫn là một văn bản đạt được tính ngắn gọn. Một phát ngôn ngắn vẫn bị coi là dông dài nếu diễn đạt theo kiểu "*dây cà ra dây muống*". Người xưa quan niệm, nói nhiều chưa chắc là người có hiểu biết mà đôi khi là do "*thùng rỗng kêu to*". Tục ngữ Việt không thiếu những câu thể hiện điều này: "*Người khôn ăn nói nửa chừng, để cho người dại nửa mừng nửa lo*"; "*Người khôn nói ít làm nhiều, không như người dại lắm điều rườm rà*"; "*Khôn ngoan chẳng lọ nói nhiều, người khôn mới nói nửa điều đã khôn*"... Triết lý này ta cũng tìm thấy trong tục ngữ Khmer: "*Nói ít những gì mình biết, im lặng hoàn toàn những gì mình không biết*".

### 3.2. *Nói năng cần phải suy nghĩ*

Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự thiếu sót, non kém trong vận dụng ngôn ngữ là do không cân nhắc, lựa chọn ngôn từ để vận dụng phù hợp trong từng cảnh huống giao tiếp cụ thể. Điều này tục ngữ Việt khái quát trong câu: "Ăn có nhai, nói có nghĩ". Thành ngữ, tục ngữ Khmer có khá nhiều những lời khuyên như thế: "Suy nghĩ cho đúng mới nói đúng; Khi người hỏi mới trả lời, nhưng thận trọng"; "Dù thân bao nhiêu, lời nói vẫn phải thận trọng"; "Nói năng phải xem việc, có trí khôn phải biết nghĩ". Tục ngữ Việt có câu: "Học ăn, học nói, học gói, học mở" còn người Khmer khuyên con cháu mình: "Đi cho đúng ba: đừng giết người, đừng ăn trộm, đừng hiếp dâm; nói cho đúng bốn: đừng nói dối, đừng nói đâm thọc, đừng nói xúi giục, đừng nói những điều vô ích" (Câu tục ngữ trên được rút gọn lại thành "Đi phải có ba, nói phải có bốn"). Đúng bốn đầu tiên của câu tục ngữ là "đừng nói dối"; điều đầu tiên khi "học nói" của đạo làm người. Người Khmer trọng lời nói thật, sự chân tình; ghét sự giả dối, lọc lừa. Sự yêu ghét rạch ròi thể hiện qua những lời khuyên như: "Đừng có miệng chỉ biết nói; phải xem tình thế nói cho thật"; "Một khúc củi giữa dòng còn có lợi hơn nói dóc"; "Ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói láo"; "Lời nói láo nên nghi ngờ, có quan tâm đừng vội nói".

### 3.3. *Nói năng có lý lẽ và giữ chữ tín*

Bên cạnh lời khuyên mọi người nói năng cần suy nghĩ, cân nhắc, chân thật, không nên nói dóc, "nói trên mây", thành ngữ, tục ngữ Khmer còn khuyên khi giao tiếp cần phải biết giữ chữ tín. Lời nói cần đi đôi với việc làm "Những gì đã nói, phải nhớ lấy lời"; "Làm xong hãy nói" và thậm chí là "Làm hay hơn nói". Nếu người Việt khuyên: "Ăn nên đọi, nói nên lời" thì người Khmer bảo: "Nói thành dòng, chảy thành sông". Nói phải rõ ràng để người nghe hiểu đúng nội dung thông tin: "Nói rõ ràng thành câu, không bỏ ngỏ tránh hiểu lầm". Bên cạnh đó, khi nói năng cũng cần phải có lập luận, có lý lẽ, có cơ sở để

làm lời nói của mình tăng tính thuyết phục: “Nói chuyện trước sau đừng cho hở”; “Nếu nói phải có ngọn ngành; câu quở trách phải theo lệ tục quy ước”. Quan niệm này cũng tương đồng với câu: “Nói có sách, mách có chứng” của người Việt.

### ***3.4. Cần phải lựa lời khi giao tiếp***

Các phương tiện ngôn ngữ ở tất cả các cấp độ (ngữ âm, từ vựng, cú pháp) luôn tồn tại những hình thức biểu đạt cùng nghĩa. Mỗi hình thức biểu đạt cùng nghĩa như thế phù hợp với từng điều kiện giao tiếp cụ thể. Do đó, việc lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ khi giao tiếp là một thao tác bắt buộc. Có lựa chọn tốt thì mới có thể tạo ra một lời nói hay. Phong cách học hiện đại đã chỉ ra cụ thể những thao tác lựa chọn, quy luật lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ nhằm tạo ra các phát ngôn đạt hiệu quả giao tiếp cao. Tuy nhiên, vốn ngôn ngữ dồi dào (tiền đề khách quan cho sự lựa chọn) cùng với việc nắm vững quy luật, thao tác lựa chọn vẫn chưa đủ. Giữa lý thuyết trong sách vở với thực tế sống động trong việc vận dụng lời ăn tiếng nói hàng ngày vẫn có một khoảng cách và bị chi phối rất lớn bởi cá nhân người nói. Khi tranh luận, phê bình, chỉ trích, do không nén nổi bức xúc, đôi khi chúng ta dùng những từ khiếm nhã, nặng nề cho hả giận, đã tức. Điều này có lẽ ai cũng từng trải nghiệm và chắc chắn sẽ còn gặp phải. Giá trị đích thực của hoạt động ngôn giao không chỉ là thông tin mà còn là để con người gần nhau, yêu thương nhau; tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau hay chia sẻ những niềm đau nỗi buồn để cùng vượt qua những khó khăn, trở ngại mà vươn lên trong cuộc sống. Cách thức nói năng, giao tiếp thể hiện văn hóa của cá nhân và của cả cộng đồng. Tục ngữ Việt có câu: “Lời nói chẳng mất tiền mua; Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Lời khuyên này có lẽ không bao giờ cũ, không bao giờ thừa với tất cả mọi người. Tục ngữ Khmer cũng có câu có triết lý với nghĩa tương đồng: “Lời nói không hết tiền mua; nói làm sao đừng cho mất lòng nhau”. Nói năng phải biết lựa lời và phù hợp với từng đối tượng giao tiếp khác nhau. Có gần gũi, thân thiết thì cũng không nên quá buông tuồng, suồng sã mà cần phải giữ gìn: “Dù thân bao nhiêu, lời nói vẫn phải thận trọng”. Đặc biệt, tục ngữ Khmer cũng đúc kết kinh nghiệm về tâm lý tiếp nhận. Để chinh phục người hiền hay kẻ dữ cũng cần có “chiến lược giao tiếp” riêng: “Muốn thắng người dữ cần nói nhẹ nhàng”. Tất cả, suy cho cùng là để cho lời nói của mình đạt hiệu quả cao khi giao tiếp. Không suy nghĩ, chẳng cân nhắc, thiếu lựa chọn tốt ngôn từ có thể sẽ gây ra hậu quả khôn lường. Với sự trải nghiệm từ bao đời về lời ăn tiếng nói nên người Khmer khẳng định rằng:

- *Thà chịu tốn một túi tiền, còn hơn lỡ một tiếng nói.*
- *Thà liệt thân còn hơn nói bậy.*
- *Thà mất tiền một núi, đừng để rủi một lời...*

## **4. Kết luận**

Ngôn ngữ là công cụ dùng để giao tiếp. Nhưng khi sử dụng ngôn ngữ, người phát ngôn không chỉ thuần túy chuyển tải thông tin khách quan mà còn nhằm tác động vào người thụ ngôn, chinh phục đối tượng hoặc thể hiện sự đánh giá tình cảm của mình... Trong cuộc sống, có lắm trường hợp người nói không kiềm chế trước một sự việc gì đó nên bực dọc, tức giận hoặc do đố kỵ, ghen ghét, cứ phát ngôn cho hả giận, đã tức và sau đấy lại phải âm thầm hối hận, day dứt khôn nguôi. Nó không chỉ làm đánh mất tình cảm,

rạn nứt mối quan hệ mà còn làm hủy hoại thanh danh, thay đổi cái nhìn của người khác về mình. Ngôn ngữ có sức mạnh thật diệu kỳ. Và điều này được đúc kết trong thành ngữ, tục ngữ các dân tộc nói chung; cộng đồng người Khmer Nam Bộ nói riêng. Những quan niệm, lời khuyên, cách đánh giá, nhận xét về lời ăn tiếng nói trong thành ngữ, tục ngữ Khmer thật thú vị, giàu giá trị nhân văn và rất đáng cho ta suy ngẫm.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Xuân Diên, *Tục ngữ Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, 1998.
2. Chu Xuân Diên (Chủ biên), *Văn học Dân gian Sóc Trăng*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
3. Chu Xuân Diên (Chủ biên), *Văn học Dân gian Bạc Liêu*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
4. **Gerd De Ley**, *Từ điển tục ngữ thế giới* (dịch giả Lê Thành), NXB Lao động, 2005.
5. Vương Trung Hiếu, *Tục ngữ các nước trên thế giới*, NXB Đồng Nai, 1998.
6. Sơn Phước Hoan, *Thành ngữ, tục ngữ Khmer*, NXB Giáo dục, 1996.
7. Trần Thanh Pôn (Chủ biên), *Một số câu tục ngữ ca dao tiếng Khmer – Việt có nội dung gần giống nhau*, NXB Văn hoá Dân tộc, 2006.
8. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
9. Nguyễn Đức Tồn, *Đặc trưng văn hoá – dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, NXB Khoa học Xã hội, 2008.